

Chương II **HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT** **TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN**

Mục 1 **HÀNH VI VI PHẠM TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN**

Điều 7. Xử phạt hành vi vi phạm quy định chung về pháp luật kế toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Áp dụng sai quy định về chữ viết; chữ số trong kế toán;
- b) Áp dụng sai quy định về đơn vị tiền tệ trong kế toán;
- c) Áp dụng sai quy định về kỳ kế toán;
- d) Áp dụng sai chế độ kế toán mà đơn vị thuộc đối tượng áp dụng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi ban hành, công bố chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán, chế độ kế toán không đúng thẩm quyền.

Điều 8. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chứng từ kế toán

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Mẫu chứng từ kế toán không có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định;
- b) Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ kế toán;
- c) Ký chứng từ kế toán bằng mực màu đỏ, mực phai màu;
- d) Ký chứng từ kế toán bằng đóng dấu chữ ký khắc sẵn;
- đ) Chứng từ chi tiền không ký theo từng liên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Lập chứng từ kế toán không đủ số liên theo quy định của mỗi loại chứng từ kế toán;
- b) Ký chứng từ kế toán khi chưa ghi đủ nội dung chứng từ thuộc trách nhiệm của người ký;

- c) Ký chứng từ kế toán mà không đúng thẩm quyền;
- d) Chữ ký của một người không thống nhất hoặc không đúng với số đăng ký mẫu chữ ký;
- đ) Chứng từ kế toán không có đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ;
- e) Không dịch chứng từ kế toán bằng tiếng nước ngoài ra tiếng Việt theo quy định;
- g) Để hư hỏng, mất mát tài liệu, chứng từ kế toán đang trong quá trình sử dụng.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Giả mạo, khai man chứng từ kế toán nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man chứng từ kế toán nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Lập chứng từ kế toán có nội dung các liên không giống nhau trong trường hợp phải lập chứng từ kế toán có nhiều liên cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- d) Không lập chứng từ kế toán khi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- đ) Lập nhiều lần chứng từ kế toán cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- e) Thực hiện chi tiền khi chứng từ chi tiền chưa có đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Bổ sung các yếu tố chưa đầy đủ của chứng từ đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;
- b) Buộc hủy các chứng từ kế toán bị khai man, giả mạo đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;
- c) Buộc lập bổ sung chứng từ chưa được lập khi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;
- d) Buộc hủy các chứng từ kế toán đã được lập nhiều lần cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.

Điều 9. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về sổ kế toán

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập sổ kế toán không ghi rõ tên đơn vị kế toán; tên sổ, ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khóa sổ; thiếu chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; không đánh số trang; không đóng dấu giáp lai giữa các trang của sổ kế toán trên giấy;

b) Sổ kế toán không ghi bằng bút mực (trừ trường hợp đơn vị lựa chọn ghi sổ kế toán bằng phương tiện điện tử), ghi xen thêm vào phía trên hoặc phía dưới, ghi chồng lên nhau, ghi cách dòng; không gạch chéo phần trang sổ không ghi; không thực hiện việc cộng số liệu tổng cộng khi ghi hết trang sổ, không thực hiện việc chuyển số liệu tổng cộng trang sổ trước sang đầu trang sổ kế tiếp;

c) Không đóng thành quyển sổ riêng cho từng kỳ kế toán hoặc không có đầy đủ chữ ký và đóng dấu theo quy định sau khi in ra giấy (trừ các loại sổ không bắt buộc phải in theo quy định đối với trường hợp đơn vị lựa chọn lưu trữ sổ kế toán trên phương tiện điện tử);

d) Mẫu sổ kế toán không có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sổ kế toán không được ghi đầy đủ theo các nội dung chủ yếu theo quy định;

b) Sửa chữa sai sót trên sổ kế toán không theo đúng phương pháp quy định;

c) Không in sổ kế toán ra giấy sau khi khóa sổ trên phương tiện điện tử đối với các loại sổ kế toán phải in ra giấy theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc mở sổ kế toán vào đầu kỳ kế toán năm hoặc từ ngày thành lập đơn vị kế toán;

b) Không có chứng từ kế toán chứng minh các thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán hoặc số liệu trên sổ kế toán không đúng với chứng từ kế toán;

c) Thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán của năm thực hiện không kế tiếp thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán năm trước liền kề hoặc sổ kế toán ghi không liên tục từ khi mở sổ đến khi khóa sổ;

d) Không thực hiện việc khóa sổ kế toán trong các trường hợp mà pháp luật quy định phải khóa sổ kế toán.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Hủy bỏ trước hạn hoặc cố ý làm hư hỏng sổ kế toán;
- b) Để ngoài sổ kế toán tài sản, nợ phải trả của đơn vị hoặc có liên quan đến đơn vị nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung các yếu tố chưa đầy đủ của sổ kế toán quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc sửa chữa sổ kế toán cho khớp đúng với thực tế trong trường hợp không có chứng từ kế toán chứng minh các thông tin số liệu trên sổ kế toán hoặc số liệu trên sổ kế toán không đúng với chứng từ kế toán quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc sửa chữa sổ kế toán cho khớp đúng với thực tế trong trường hợp thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán của năm thực hiện không kế tiếp thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán của năm trước liền kề quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

d) Buộc khôi phục lại sổ kế toán đối với các vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

đ) Buộc bổ sung vào sổ kế toán đối với các hành vi để ngoài sổ kế toán tài sản, nợ phải trả của đơn vị hoặc có liên quan đến đơn vị vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

Điều 10. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tài khoản kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Hạch toán không đúng nội dung quy định của tài khoản kế toán;
- b) Thực hiện sửa đổi nội dung, phương pháp hạch toán của tài khoản kế toán hoặc mở thêm tài khoản kế toán thuộc nội dung phải được Bộ Tài chính chấp thuận mà chưa được chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng hệ thống tài khoản kế toán đã được Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận.

Điều 11. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung hoặc không đúng biểu mẫu theo quy định;

b) Báo cáo tài chính không có chữ ký của người lập, kế toán trưởng, phụ trách kế toán hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập không đầy đủ các báo cáo tài chính theo quy định;

b) Áp dụng mẫu báo cáo tài chính khác với quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán trừ trường hợp đã được Bộ Tài chính chấp thuận.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không lập báo cáo tài chính theo quy định;

b) Lập báo cáo tài chính không đúng với số liệu trên sổ kế toán và chứng từ kế toán;

c) Lập và trình bày báo cáo tài chính không tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Giả mạo báo cáo tài chính, khai man số liệu trên báo cáo tài chính nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo báo cáo tài chính, khai man số liệu trên báo cáo tài chính nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập và trình bày báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy báo cáo tài chính bị giả mạo, khai man đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 12. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nộp và công khai báo cáo tài chính

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm dưới 03 tháng so với thời hạn quy định;

b) Công khai báo cáo tài chính chậm dưới 03 tháng so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công khai báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định;

b) Nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền không đính kèm báo cáo kiểm toán đối với các trường hợp mà pháp luật quy định phải kiểm toán báo cáo tài chính;

c) Nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm từ 03 tháng trở lên so với thời hạn quy định;

d) Công khai báo cáo tài chính không kèm theo báo cáo kiểm toán đối với các trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán báo cáo tài chính;

đ) Công khai báo cáo tài chính chậm từ 03 tháng trở lên so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông tin, số liệu công khai báo cáo tài chính sai sự thật;

b) Cung cấp, công bố các báo cáo tài chính để sử dụng tại Việt Nam có số liệu không đồng nhất trong một kỳ kế toán.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Không công khai báo cáo tài chính theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp và công khai báo cáo kiểm toán đính kèm báo cáo tài chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều này.

Điều 13. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về sao chụp, niêm phong tài liệu kế toán

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

1. Không thành lập Hội đồng và không lập “Biên bản để xác định các tài liệu kế toán không thể sao chụp được” theo quy định.
2. Tài liệu kế toán sao chụp không có đầy đủ chữ ký, đóng dấu (nếu có) của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.
3. Tạm giữ, tịch thu hoặc niêm phong tài liệu kế toán không đúng thẩm quyền quy định.
4. Không cung cấp tài liệu kế toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện tạm giữ, tịch thu, niêm phong.

Điều 14. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm tra kế toán

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Cung cấp không đầy đủ cho đoàn kiểm tra các tài liệu kế toán liên quan đến nội dung kiểm tra;
- b) Thực hiện không đầy đủ kết luận của đoàn kiểm tra.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không chấp hành quyết định kiểm tra kế toán của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Không cung cấp cho đoàn kiểm tra các tài liệu kế toán liên quan đến nội dung kiểm tra;
- c) Không dịch các tài liệu kèm theo chứng từ kế toán bằng tiếng nước ngoài ra tiếng Việt khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- d) Không thực hiện kết luận của đoàn kiểm tra.

Điều 15. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau:

a) Đưa tài liệu kế toán vào lưu trữ chậm từ 12 tháng trở lên so với thời hạn quy định;

b) Không sắp xếp tài liệu kế toán đưa vào lưu trữ theo trình tự thời gian phát sinh và theo kỳ kế toán năm.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lưu trữ tài liệu kế toán không đầy đủ theo quy định;

b) Bảo quản tài liệu kế toán không an toàn, để hư hỏng, mất mát tài liệu trong thời hạn lưu trữ;

c) Sử dụng tài liệu kế toán trong thời hạn lưu trữ không đúng quy định;

d) Không thực hiện việc tổ chức kiểm kê, phân loại, phục hồi tài liệu kế toán bị mất mát hoặc bị hủy hoại.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Hủy bỏ tài liệu kế toán khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định của Luật kế toán nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Không thành lập Hội đồng tiêu hủy, không thực hiện đúng phương pháp tiêu hủy và không lập biên bản tiêu hủy theo quy định khi thực hiện tiêu hủy tài liệu kế toán.

Điều 16. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm kê tài sản

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê hoặc báo cáo kết quả kiểm kê không có đầy đủ chữ ký theo quy định;

b) Không phản ánh số chênh lệch và kết quả xử lý số chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế với số liệu sổ kế toán.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kiểm kê tài sản theo quy định.

Điều 17. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc thuê làm kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thuê tổ chức, cá nhân không đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề kế toán để làm dịch vụ kế toán cho đơn vị mình;

b) Không thực hiện bổ nhiệm lại kế toán trưởng, phụ trách kế toán theo thời hạn quy định;

c) Không tổ chức bàn giao công tác kế toán khi có thay đổi về người làm kế toán, kế toán trưởng, phụ trách kế toán;

d) Không thông báo theo quy định khi thay đổi kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị kế toán; không bố trí người làm kế toán, làm kế toán trưởng hoặc không thuê tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán làm kế toán, làm kế toán trưởng theo quy định;

b) Bố trí người làm kế toán mà pháp luật quy định không được làm kế toán;

c) Bố trí người làm kế toán, người làm kế toán trưởng, phụ trách kế toán không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định;

d) Bổ nhiệm kế toán trưởng, phụ trách kế toán không đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Bố trí người có trách nhiệm quản lý, điều hành đơn vị kế toán kiêm làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ hoặc mua, bán tài sản trừ doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu, doanh nghiệp thuộc loại hình khác không có vốn nhà nước và là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Bố trí người làm kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định;

c) Thuê người làm kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Bổ nhiệm hoặc thuê người làm kế toán, kế toán trưởng, phụ trách kế toán có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1; điểm b, c khoản 2; điểm b, c khoản 3 Điều này.

Điều 18. Xử phạt hành vi vi phạm trong việc tổ chức bồi dưỡng và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau:

- a) Tổ chức lớp học bồi dưỡng kế toán trưởng với số lượng học viên/lớp không đúng quy định;
- b) Tổ chức khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng trong thời gian quá 6 tháng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Tổ chức khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng khi chưa đăng ký với Bộ Tài chính hoặc đã đăng ký nhưng chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;
- b) Không thông báo, báo cáo cho Bộ Tài chính nội dung liên quan đến khóa học theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không đảm bảo về nội dung, chương trình và thời gian học cho học viên theo quy định;
- b) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ liên quan đến khóa học theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo thực hiện một trong các hành vi sau:

- a) Mở khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng khi không đủ điều kiện;
- b) Mở khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng cho người nước ngoài khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;
- c) Quản lý phôi và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng của cơ sở đào tạo không đúng quy định của Bộ Tài chính.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo thực hiện cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng cho học viên không đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 4, khoản 5 Điều này.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THI CHỨNG CHỈ KẾ TOÁN VIÊN VÀ CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHO KẾ TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ, NGƯỜI ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ KẾ TOÁN

Điều 19. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ dự thi Chứng chỉ kế toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân thực hiện hành vi kê khai không đúng thực tế thông tin trong hồ sơ dự thi lấy Chứng chỉ kế toán viên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy Chứng chỉ kế toán viên.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, giả mạo, khai man về bằng cấp, chứng chỉ và các tài liệu khác trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy Chứng chỉ kế toán viên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 20. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức lớp học cập nhật kiến thức với số lượng học viên/1 lớp không đúng quy định;

b) Không cấp Giấy chứng nhận cho học viên đã tham gia cập nhật kiến thức và Giấy xác nhận cho kế toán viên, kiểm toán viên tham gia giảng dạy các lớp học cập nhật kiến thức sau mỗi lớp học;

c) Nộp báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kế toán viên sau mỗi lớp học chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

d) Thông báo cho Bộ Tài chính về kế hoạch, chương trình cập nhật kiến thức cho năm sau hoặc khi có sự thay đổi về kế hoạch, chương trình cập nhật kiến thức trước khi tổ chức lớp học chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

đ) Nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kế toán viên hàng năm chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được chấp thuận cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề, người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề, người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán không đúng với kế hoạch, chương trình đã đăng ký hoặc đã thông báo cho Bộ Tài chính;

b) Nộp Báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức cho kế toán viên hàng năm cho Bộ Tài chính sau mỗi lớp học chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

c) Nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức cho kế toán viên hàng năm chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

d) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ về tổ chức cập nhật kiến thức theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được chấp thuận cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề, người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không nộp Báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kế toán viên sau mỗi lớp học theo quy định;

b) Không nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kế toán viên hàng năm theo quy định;

c) Thực hiện việc cập nhật kiến thức để tính giờ cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề, người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;

d) Cấp Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề, người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán mà thực tế không tham gia cập nhật kiến thức;

đ) Báo cáo không đúng số lượng người tham gia học cập nhật kiến thức hoặc báo cáo không đúng số giờ cập nhật kiến thức của kế toán viên hành nghề, người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

e) Thực tế không tổ chức lớp cập nhật kiến thức nhưng vẫn báo cáo có tổ chức lớp.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ việc tổ chức cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này từ lần thứ hai trở đi.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Mục 3

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ KẾ TOÁN

Điều 21. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Chứng chỉ kế toán viên, Chứng chỉ kiểm toán viên

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung Chứng chỉ kế toán viên;

b) Cho tổ chức, cá nhân khác ngoài đơn vị mình đang làm việc thuê, mượn, sử dụng Chứng chỉ kế toán viên, Chứng chỉ kiểm toán viên của mình để đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hoặc đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán tại đơn vị nơi mình thực tế không làm việc theo hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thuê, mượn, sử dụng Chứng chỉ kế toán viên, Chứng chỉ kiểm toán viên của người không làm việc hoặc làm việc theo hợp đồng lao động không đảm bảo là làm toàn bộ thời gian tại đơn vị mình để đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo Chứng chỉ kế toán viên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kế toán viên hành nghề thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 22. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 23. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính theo quy định chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính theo quy định chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán đã hết hiệu lực hoặc không còn giá trị để thực hiện các hoạt động dịch vụ kế toán.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Hành nghề dịch vụ kế toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

b) Tiếp tục hành nghề dịch vụ kế toán khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị;

c) Không nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN

Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế các tài liệu trong hồ sơ đề đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ đề đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ đề đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 25. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi bị thu hồi hoặc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán;

b) Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định trong các trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật kế toán.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;

b) Sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;

c) Không làm thủ tục hoặc làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong các trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật kế toán chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

d) Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức không nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính khi chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

Điều 26. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi giới thiệu sai sự thật về trình độ, kinh nghiệm, khả năng và điều kiện cung cấp dịch vụ của kế toán viên hành nghề và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với các hành vi thông đồng, móc nối với khách hàng để cung cấp, xác nhận thông tin sai sự thật khi cung cấp dịch vụ kế toán.

Điều 27. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ hồ sơ dịch vụ kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bảo quản, lưu trữ hồ sơ dịch vụ kế toán không đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng và trong thời hạn lưu trữ.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện lưu trữ hồ sơ dịch vụ kế toán theo quy định.

Điều 28. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán nhưng không làm thủ tục xóa cùm từ "dịch vụ kế toán" trong tên gọi theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp dịch vụ kế toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;

b) Tiếp tục kinh doanh dịch vụ kế toán khi đã tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kế toán; bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán; bị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 5

**HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP,
SỬ DỤNG DỊCH VỤ KẾ TOÁN QUA BIÊN GIỚI**

Điều 29. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện hành vi giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Tiếp tục kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam khi đã tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán, bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 30. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phương thức cung cấp dịch vụ qua biên giới

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện thanh toán, chuyển tiền liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới không theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối của Việt Nam;

b) Không giao kết hợp đồng dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam khi cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Không lập hợp đồng liên danh khi cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam thực hiện liên danh với doanh nghiệp nước ngoài không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới theo quy định khi cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện liên danh với doanh nghiệp tại Việt Nam không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định khi cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài không thực hiện liên danh với doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam khi cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 31. Xử phạt hành vi vi phạm về nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài khi cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi không đảm bảo một trong các điều kiện quy định để được cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Nộp báo cáo tài chính hàng năm, văn bản nhận xét, đánh giá của cơ quan quản lý hành nghề dịch vụ kế toán nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán và các quy định pháp luật khác cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

c) Nộp báo cáo về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi không đảm bảo một trong các điều kiện quy định để được cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Nộp báo cáo tài chính hàng năm, văn bản nhận xét, đánh giá của cơ quan quản lý hành nghề dịch vụ kế toán nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán và các quy định pháp luật khác cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

c) Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc nộp báo cáo về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo cho Bộ Tài chính khi không đảm bảo một trong các điều kiện quy định để được cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới;

b) Không nộp báo cáo tài chính hàng năm, văn bản nhận xét, đánh giá của cơ quan quản lý hành nghề dịch vụ kế toán nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán và các quy định pháp luật khác cho Bộ Tài chính theo quy định;

c) Không báo cáo, báo cáo không đúng thực tế về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm hoặc cung cấp dịch vụ kế toán khi thuộc các trường hợp không được cung cấp dịch vụ kế toán theo quy định;

b) Không tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán Việt Nam khi thực hiện cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Không báo cáo, giải trình cho các cơ quan chức năng của Việt Nam các nội dung liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 32. Xử phạt hành vi vi phạm về nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán khi liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Lưu trữ không đầy đủ hồ sơ dịch vụ kế toán của hợp đồng liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài khi cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Cung cấp không đầy đủ, không đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về hồ sơ của hợp đồng liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài khi cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Giải trình không đầy đủ, không đúng thời hạn quy định với các cơ quan có thẩm quyền về hồ sơ của hợp đồng liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không lưu trữ hồ sơ liên quan đến hợp đồng liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Không cung cấp hồ sơ liên quan đến hợp đồng liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không giải trình cho các cơ quan có thẩm quyền về hồ sơ liên quan đến hợp đồng liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

d) Không báo cáo cho Bộ Tài chính tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 6
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÔNG BÁO, BÁO CÁO

Điều 33. Xử phạt hành vi vi phạm về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của hộ kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi có thay đổi về một trong các nội dung quy định tại Điều 66 Luật kế toán;

b) Nộp Báo cáo tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề dịch vụ kế toán hàng năm của các kế toán viên hành nghề tại đơn vị mình cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

c) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán của kế toán viên hành nghề tại đơn vị hết hiệu lực hoặc không còn giá trị theo quy định;

d) Nộp Báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán hàng năm chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định của Bộ Tài chính;

đ) Nộp Báo cáo tình hình hoạt động năm cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

e) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi hoạt động trở lại sau thời gian tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kế toán;

g) Thông báo về việc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

h) Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi có thay đổi về một trong các nội dung quy định tại Điều 66 Luật kế toán;

b) Nộp Báo cáo tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề dịch vụ kế toán hàng năm của các kế toán viên hành nghề tại đơn vị mình cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

c) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán của kế toán viên hành nghề tại đơn vị hết hiệu lực hoặc không còn giá trị theo quy định;

d) Nộp Báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính hàng năm chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

đ) Nộp Báo cáo tình hình hoạt động năm cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

e) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi hoạt động trở lại sau thời gian tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kế toán;

g) Thông báo về việc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

h) Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo cho Bộ Tài chính khi có thay đổi về một trong các nội dung quy định tại Điều 66 Luật kế toán;

b) Không nộp Báo cáo tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề dịch vụ kế toán hàng năm của các kế toán viên hành nghề tại đơn vị mình cho Bộ Tài chính theo quy định;

c) Không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán của kế toán viên hành nghề tại đơn vị hết hiệu lực hoặc không còn giá trị theo quy định;

d) Không nộp Báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính hàng năm theo quy định;

đ) Không nộp Báo cáo tình hình hoạt động năm cho Bộ Tài chính theo quy định;

e) Không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính theo quy định khi hoạt động trở lại sau thời gian tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kế toán;

g) Không thông báo về việc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính theo quy định;

h) Không báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 34. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của kế toán viên hành nghề

1. Phạt cảnh cáo đối với kế toán viên hành nghề thực hiện thông báo hoặc báo cáo cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi:

a) Không còn làm việc tại đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kế toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc vô hiệu;

d) Tham gia làm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán, nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán mà mình đăng ký hành nghề;

đ) Đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản;

e) Có yêu cầu của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề dịch vụ kế toán của kế toán viên hành nghề.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kế toán viên hành nghề thông báo cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi:

a) Không còn làm việc tại đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kế toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc bị vô hiệu;

d) Tham gia làm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán, nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán mà mình đăng ký hành nghề;

đ) Đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản;

e) Có yêu cầu của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề dịch vụ kế toán của kế toán viên hành nghề.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với kế toán viên hành nghề không thông báo, báo cáo theo quy định cho Bộ Tài chính khi:

a) Không còn làm việc tại đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kế toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc bị vô hiệu;

d) Tham gia làm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán, nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán mà mình đăng ký hành nghề;

đ) Đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản;

e) Có yêu cầu của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề dịch vụ kế toán của kế toán viên hành nghề.

Mục 7

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KẾ TOÁN

Điều 35. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp không đúng thời hạn quy định, không đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu không đúng thực tế cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán;

b) Không giải trình, hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III **HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT** **TRONG LĨNH VỰC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Mục 1 **HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THI CHỨNG CHỈ VÀ** **CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHO KIỂM TOÁN VIÊN**

Điều 36. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ dự thi Chứng chỉ kiểm toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân thực hiện hành vi kê khai không đúng thực tế thông tin trong hồ sơ dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, giả mạo, khai man về bằng cấp, chứng chỉ và các tài liệu khác trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.